

Công tác quản lý và xử lý nợ có vấn đề tại Vietcombank

Hội nghị tập huấn tín dụng
Năm 2011

Trình bày: Phòng Công nợ

Nội dung trình bày



Thực tế nợ có vấn đề tại VCB

Kinh nghiệm xử lý nợ CVĐ tại VCB

Các biện pháp quản lý và xử lý nợ CVĐ

Thực tế nợ có vấn đề tại VCB

Đơn vị: triệu quy VNĐ

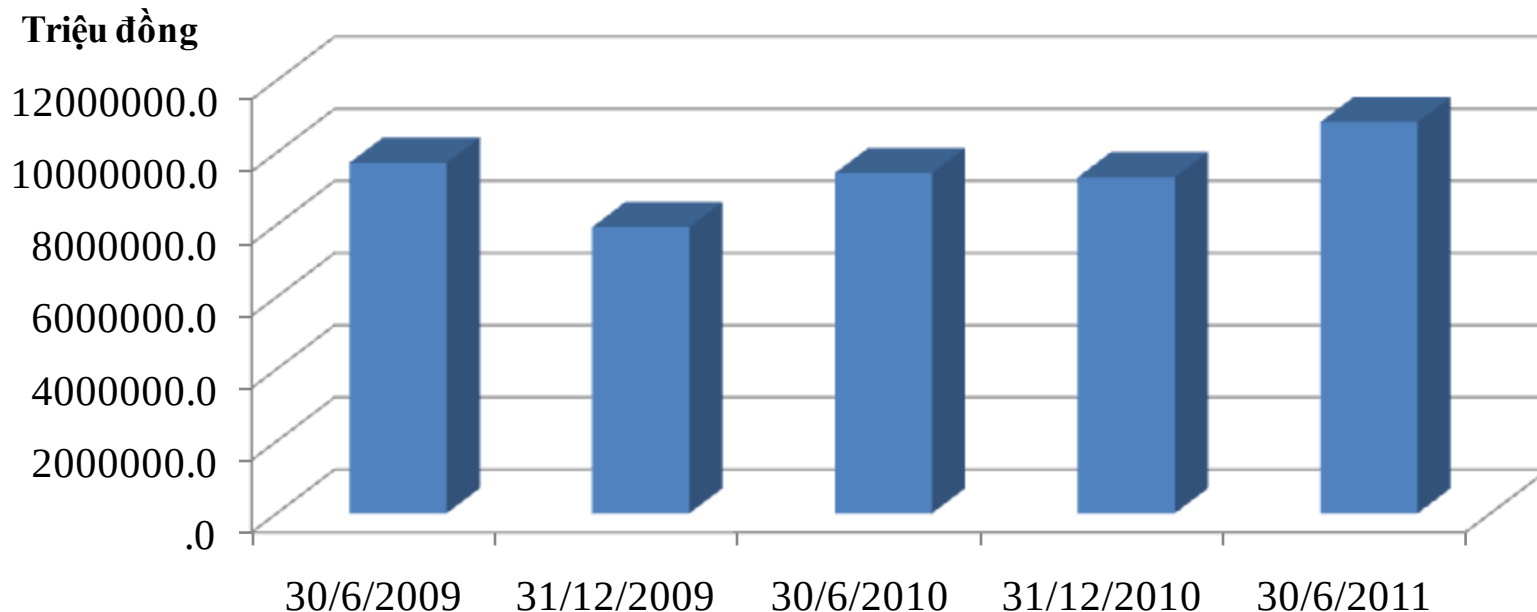
Thời điểm	30/6/2009	31/12/2009	30/6/2010	31/12/2010	30/6/2011
Tổng nợ CVĐ	9.718.859	7.937.170	9.434.804	9.317.672	10.847.795
Trong đó:					
- Nợ cần lưu ý	1.105.704	972.851	1.068.424	805.202	735.733
- Nợ nhóm 3	1.662.405	430.586	1.827.087	981.822	2.523.338
- Nợ nhóm 4	777.048	374.917	552.319	297.113	370.525
- Nợ nhóm 5	2.839.406	2.606.551	2.471.250	3.607.663	3.663.328
- Nợ DPRR	3.334.296	3.552.265	3.515.724	3.625.872	3.554.870
Tổng dư nợ	135.248.639	145.646.549	157.322.271	179.809.241	196.399.561
Tỷ lệ nợ xấu	4,00%	2.40%	3,15%	2,77%	3,40%
Tỷ lệ nợ CVĐ	7,19%	5.45%	6,00%	5,18%	5,52%

- Theo QĐ106: Nợ cần lưu ý? Nợ xấu? Nợ có vấn đề là gì? => cái nào ảnh hưởng trực tiếp đến lương?

- Nợ nhóm 5 và nợ DPRR luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất => nguyên nhân nào?

Tình hình nợ có vấn đề

Tổng nợ có vấn đề



- Xu hướng nợ CVĐ trong một năm là giữa năm tăng, cuối năm giảm => cuối năm 2011 giảm?
- Tỷ lệ nợ CVĐ có xu hướng giảm dần qua các năm => nguyên nhân là do dư nợ tăng nhanh?
- Tỷ lệ nợ xấu từ cuối năm 2009 đến nay đang tăng dần => cuối năm 2011 sẽ vượt kế hoạch 2,8%?

Các biện pháp thu hồi nợ xấu

Đơn vị: triệu quy VNĐ

Biện pháp	30/6/2009	31/12/2009	30/6/2010	31/12/2010	30/6/2011	Bình quân	Tỷ trọng
A	3.480.467	2.099.746	2.733.575	2.829.424	3.529.076	2.934.458	31,05%
B	716.345	712.370	629.385	445.319	308403	562.365	5,95%
C	226.844	253.845	121.761	349.589	485.023	287.413	3,04%
D	343.559	247.509	42.567	45.818	58.980	147.687	1,56%
E	133.152	296.124	266.804	524.034	877.888	419.600	4,44%
F	119.330	51.903	111.122	22.613	23.348	65.663	0,69%
G	650.683	156.420	1.348.656	910.636	1.270.996	867478	9,18%
H	507.388	567.759	218.886	214.530	185.810	338.875	3,59%
I	596.331	501.528	475.639	624.313	716.669	582.896	6,17%
J	176.529	124.367	180.129	543.226	335.516	271.954	2,88%
K	17.072	2034	2.931	2.745	2.336	5.424	0,06%
L	482.738	565.406	793.226	779.847	875.145	699.272	7,4%
M	2.268.420	2.358.158	2.510.123	2.025.578	2.178.606	2.268.177	24%
Tổng cộng:	9.718.859	7.937.170	9.434.804	9.317.672	10.847.795	9.451.260	100%

- Biện pháp A và M chiếm tỷ trọng lớn nhất => có phải là 2 biện pháp xử lý, thu nợ hiệu quả nhất?

Kết quả thu hồi nợ theo phân loại

Đơn vị: triệu quy VNĐ

Thời gian	T6-T12/2009	T1-T6/2010	T6-T12/2010	T1-T6/2011
- Nợ cần lưu ý	446.413	225.020	57.699	392.896
- Nợ nhóm 3	515.654	174.211	472.670	265.237
- Nợ nhóm 4	132.951	209.806	74.099	37.174
- Nợ nhóm 5	516.428	518.669	463.117	437.369
- Nợ DPRR	105.205	98.666	183.836	92.048
Tổng cộng:	1.716.650	1.226.372	1.251.420	1.224.724

- Kết quả thu hồi nợ DPRR đạt thấp?

Kết quả thu hồi theo biện pháp

Đơn vị: triệu quy VNĐ

Biện pháp	T6-T12/2009	T1-T6/2010	T6-T12/2010	T1-T6/2011	Bình quân	Tỷ trọng
A	822.986	443.654	279.555	797.820	586.004	43,25%
B	473.312	406.179	309.179	88.807	319.369	23,57%
C	155.316	76.203	108.258	74.935	103.678	7,65%
D	10.713	13.636	10.844	18.098	13.323	0,98%
E	44.207	14.498	36.300	20.437	28.860	2,13%
F	22.046	8.795	3.077	6.586	10.126	0,75%
G	4.299	28.806	150.458	21.482	51.261	3,78%
H	15.772	43.099	7.328	23.462	22.415	1,65%
I	62.668	51.231	82.666	26.708	55.818	4,12%
J	1.096	-	15.888	40.137	14.280	1,05%
K	57	90	180	60	97	0,01%
L	32.424	98.833	58.021	21.381	52.665	3,89%
M	71.754	41.348	189.666	84.811	96.895	7,15%
Tổng cộng:	1.716.650	1.226.372	1.251.420	1.224.724	1.354.791,48	100,00%

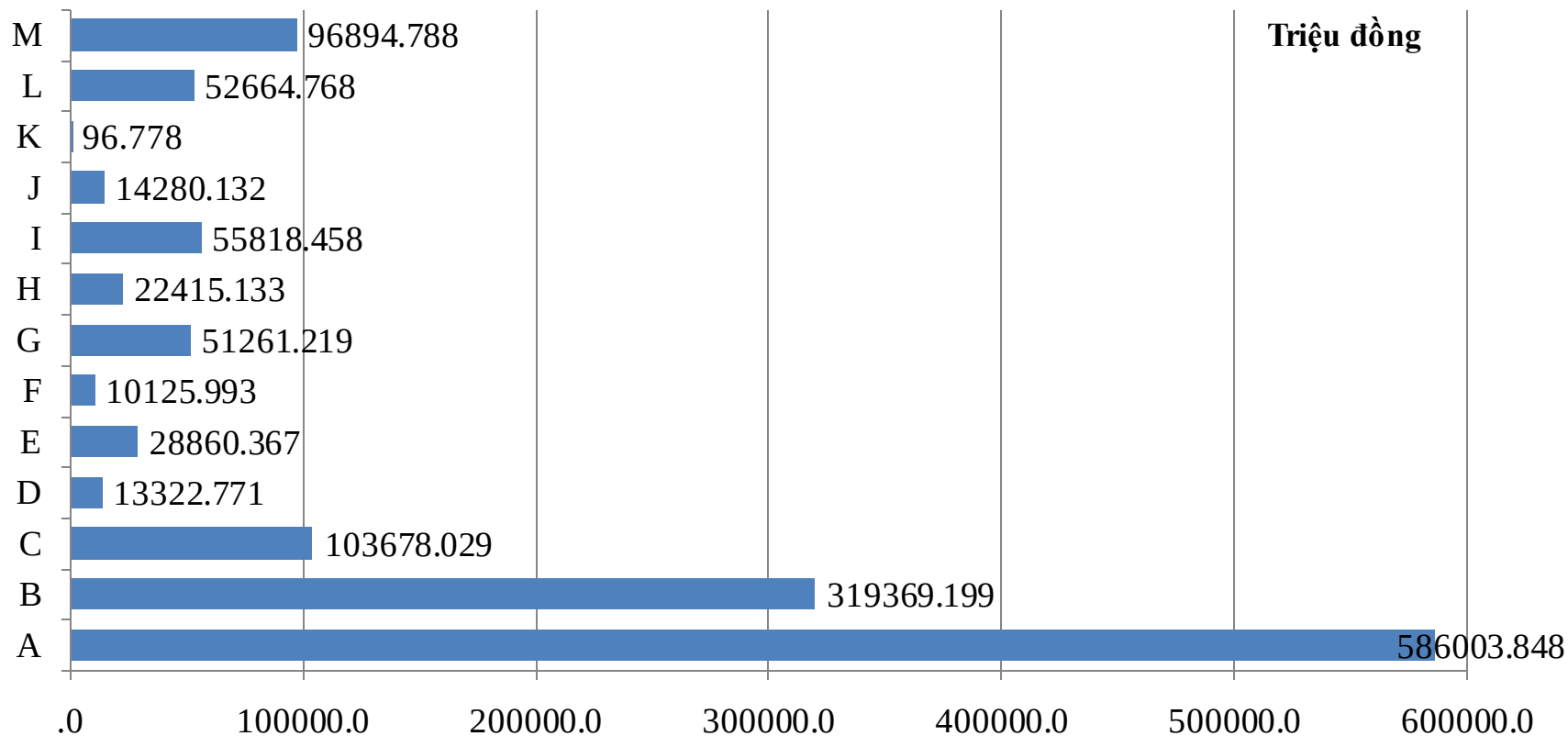
- Biện pháp A và B hiệu quả nhất?

Tình hình triển khai bộ máy xử lý, thu hồi nợ CVĐ

- Theo QĐ106 có Bộ phận quản lý và xử lý nợ có văn đề ở Hội sở chính và các Tổ xử lý nợ xấu ở chi nhánh với nhiệm vụ chuyên trách xử lý, thu hồi và báo cáo về nợ CVĐ
- Hiện nay có 28 chi nhánh đã thành lập tổ xử lý nợ theo quy định, gồm 11 chi nhánh có tỷ lệ nợ xấu trên 5%, 3 chi nhánh tỷ lệ nợ xấu từ 3-5%, 14 chi nhánh có dư nợ xấu hoặc dư nợ DPRR từ 50 tỷ trở lên. Sở giao dịch và Chi nhánh Hồ Chí Minh có tổ xử lý nợ riêng, trong khi đó các chi nhánh còn lại cán bộ xử lý nợ chủ yếu trực thuộc phòng khách hàng.
- Tổng số cán bộ thuộc bộ phận xử lý nợ CVĐ là 106 người (gồm cả Giám đốc, lãnh đạo phòng, nhân viên)

Kết quả thu nợ bình quân

Kết quả thu nợ bình quân



Các kinh nghiệm xử lý nợ có vấn đề tại VCB

- Tìm hiểu về các biện pháp xử lý, thu nợ CVĐ (nghiên cứu các văn bản quy định có liên quan để vận dụng linh hoạt)
- Rà soát lại khoản nợ ngay khi bị phân loại Nợ nhóm 2 để tìm ra các khoản nợ CLY (7 dấu hiệu theo QĐ106)
- Đánh giá khả năng phục hồi nợ (tình hình SXKD của khách hàng) để xác định đúng nguồn trả nợ
- Đánh giá sự thiện chí của khách hàng
- Đưa ra biện pháp xử lý, thu hồi nợ phù hợp (13 biện pháp theo QĐ106)
- Lập kế hoạch triển khai chi tiết (thời gian, hành động, mục tiêu, con người thực hiện)

Yêu cầu đối với công tác quản lý và xử lý nợ CVĐ

- ❖ Sớm nhận biết khoản nợ CVĐ
- ❖ Tìm hiểu nguyên nhân nợ CVĐ
- ❖ Phân loại và có biện pháp xử lý kịp thời

Các dấu hiệu rủi ro

- ❖ KH không trả được nợ gốc/lãi đúng hạn.
- ❖ Hoạt động sản xuất kinh doanh của KH bị gián đoạn, ngừng trệ.
- ❖ Tình hình tài chính có vấn đề (mất cân đối, lỗ...).
- ❖ KH không có thiện chí hợp tác, chậm trễ trong việc cung cấp thông tin.
- ❖ KH hoặc người quản lý của KH bị khởi kiện, khởi tố.
- ❖ KH có nợ xấu tại các TCTD khác.
- ❖ Các dấu hiệu khác làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ.

Nguyên nhân nợ CVĐ

❖ Nguyên nhân khách quan

❖ Nguyên nhân từ phía KH

❖ Nguyên nhân từ phía Ngân hàng

Nguyên nhân khách quan

- ❖ Thay đổi về môi trường kinh tế (Sự biến động của thị trường thế giới, khủng hoảng tài chính toàn cầu...)
- ❖ Thay đổi về cơ chế, chính sách
- ❖ Các vấn đề về tình huống bất ngờ (thiên tai, hỏa hoạn, bão lũ...)

Nguyên nhân từ phía KH

- ❖ Sử dụng vốn sai mục đích, không có thiện chí trong việc trả nợ.
- ❖ Khả năng quản lý hoạch định chiến lược kinh doanh kém.
- ❖ Tình hình tài chính doanh nghiệp yếu kém, thiếu minh bạch.
- ❖ Hiểu biết hạn chế về sản phẩm, công nghệ và thị trường.
- ❖ Hoạt động kinh doanh được mở rộng quá khả năng kiểm soát.
- ❖ Hạn chế về khả năng hoạch định và kiểm soát chi phí.
- ❖ Sản phẩm được đưa ra thị trường quá sớm.
- ❖ Phụ thuộc quá lớn vào một hay vài khách hàng/ thị trường chủ chốt.
- ❖ Quá chú trọng đến tốc độ tăng trưởng và bỏ quên chất lượng tăng trưởng.
- ❖ Việc thực hiện dự án bị trì hoãn hoặc chậm tiến độ.
- ❖ Các nguyên nhân khác.

Nguyên nhân từ phía ngân hàng

- ❖ Quy trình cho vay không được tuân thủ
- ❖ Công tác kiểm tra, giám sát còn hạn chế
- ❖ Cán bộ KH vi phạm đạo đức nghề nghiệp hoặc hạn chế về nghiệp vụ
- ❖ Các nguyên nhân khác

Phân loại KH nợ CVĐ

- ❖ KH có thiện chí hợp tác trả nợ
- ❖ KH có năng lực hành vi không đầy đủ
- ❖ KH không có thiện chí hợp tác, chây ỳ, bỏ trốn, lừa đảo...
- ❖ KH là đối tượng thu nợ có yếu tố nhạy cảm
- ❖ Không còn đối tượng thu nợ

Biện pháp xử lý nợ CVĐ

- ❖ a. Theo dõi đặc biệt
- ❖ b. Tiếp tục cấp tín dụng với điều kiện chặt chẽ hơn
- ❖ c. Hạn chế, giảm dần dư nợ
- ❖ d. Yêu cầu bổ sung, thay đổi biện pháp bảo đảm có mức an toàn cao hơn
- ❖ e. Dừng cấp tín dụng
- ❖ f. Miễn giảm lãi để tăng khả năng thu nợ
- ❖ g. Cấu trúc lại nợ
- ❖ h. Yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả thay
- ❖ i. Phát mại TSBĐ
- ❖ j. Bán nợ
- ❖ k. Nhận TSBĐ để cản trừ nợ
- ❖ l. Khởi kiện KH
- ❖ m. Các biện pháp khác

Biện pháp xử lý nợ CVĐ (tiếp theo)

Đối với KH có thiện chí hợp tác trả nợ

- ❖ Áp dụng các biện pháp a, b, c, d
- ❖ Theo dõi sát sao hoạt động của KH
 - + Nếu KH phục hồi hoạt động kinh doanh ---> xử lý như khoản vay thông thường
 - + Nếu KH không có khả năng phục hồi ---> xử lý các biện pháp h, i, j, k, m

Biện pháp xử lý nợ CVĐ (tiếp theo)

Đối với KH có năng lực hành vi không đầy đủ

❖ Áp dụng các biện pháp f, g, h, i, j, k, l, m

Đối với KH không hợp tác, chây ì, bỏ trốn, lừa đảo

❖ Áp dụng biện pháp L

Đối với KH thuộc đối tượng nhạy cảm

❖ Áp dụng tất cả các biện pháp phù hợp

Trường hợp không còn đối tượng thu nợ

❖ Áp dụng biện pháp m (nếu còn có thể)

Xử lý nợ xấu bằng quỹ DPRR

Trường hợp áp dụng:

- ❖ KH là tổ chức bị phá sản, giải thể
- ❖ KH cá nhân bị chết hoặc mất tích
- ❖ KH nợ nhóm 5 có năng lực hành vi không đầy đủ
- ❖ KH nợ nhóm 5 đã áp dụng biện pháp thu hồi nợ triệt để nhưng chưa thu hồi được

Xuất toán ngoại bảng đối với nợ đã sử dụng DPRR

Điều kiện áp dụng:

- ❖ Khoản nợ đã được sử dụng DPRR để xử lý trên 5 năm
- ❖ VCB đã áp dụng mọi biện pháp thu nợ nhưng không thu hồi được
- ❖ Được sự chấp thuận của Bộ Tài chính và NHNN

Xin cảm ơn!

Hội nghị tập huấn tín dụng
Năm 2011

Trình bày: Phòng Công nợ